

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 18-3-2025
Về việc tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA-TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị
2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 11, 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2023 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Địa chỉ liên lạc: Số D, đường M, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2023. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trịnh Thị Hồng T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3.3. Em Nguyễn Ngọc Tường V, sinh năm 2002.

3.4. Em Nguyễn Ngọc Yên N, sinh năm 2007.

3.5. Em Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật cho em N và em T1 là ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1976 và bà Trịnh Thị Hồng T, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Năm 2010, bà C cho ông B một phần diện tích 1.500m² thuộc thửa đất 397, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Khi cho đất ông B tiến hành cất nhà tạm kết cấu vách thiếc, cột xi măng, nền đất, mái tôn fibro xi măng; làm sân, hầm cá, chuồng bò. Sau khi làm nhà ông B xin bà C thêm cho đủ diện tích 2.047m² đồng thời ông B hứa làm cái nền nhà trên phần đất ông B được cho để bà C ở. Bà C đồng ý. Ngày 16/10/2019 bà C lập hợp đồng tặng cho 2.047m² cho ông B. Tuy nhiên ông B ghi diện tích 2.347m² bao gồm một phần thửa 397 và thửa 4285. Bà C xác định chỉ cho ông B một phần đất 2.047m² thuộc thửa 397 nay tách ra là thửa 4358, tờ bản đồ số 3; còn thửa 4285 bà C không cho ông B. Vào tháng 12/2022 khi bà C đi làm giấy đất thì phát hiện ông B đã đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thửa 4285. Hiện nay thửa đất 4285 do ông B quản lý sử dụng. Nay bà C yêu cầu tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 113, quyền số 01-SCT/HĐ,GD được ký kết giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Ngọc B ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T đối với thửa đất số 4285, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An là vô hiệu. Vị trí đất thuộc khu 1 theo mảnh trích đo do công ty TNHH Đ lập ngày 28/5/2024 và được Văn phòng Chi nhánh đất đai tại huyện T duyệt ngày 30/5/2024 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính phân khu số 01-2024 của công ty TNHH Đ. Đồng thời buộc ông B phải giao trả thửa đất 4285 cho bà C. Bà Nguyễn Thị C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lập hồ sơ đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 4285, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật. Bà C đồng ý hoàn trả giá trị

xây dựng căn nhà của ông B theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T4. Ngoài ra bà C không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc B do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đại diện trình bày: Vào năm 2001 mẹ ông B là bà C có cho miệng ông phần đất thuộc thửa 397, diện tích khoảng hơn 2.000m². Ông B tiến hành nhận đất cất nhà tạm vách thiếc, cột xi măng, nền bê tông, móng cột đà bê tông cốt thép, mái tôn xi măng. Ông B sử dụng ổn định đến năm 2013 tiến hành múc hầm lên đắp thành nền bự và cất nhà cấp 4 như hiện trạng hiện nay có kết cấu móng cột đà bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch bông, mái tôn xi măng. Do đất đang tranh chấp với ông Nguyễn Ngọc H2 nên bà C chưa làm thủ tục tách sổ cho ông B. Năm 2017 do nhà bà C bị sập nên ông B rước bà C qua ở và cất nhà trên một phần thửa 397 (nay là thửa 4358). Năm 2018, bà C mới được đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ thửa 397 và 4285 (tách từ thửa 397). Năm 2019 bà C lập hợp đồng tặng cho ông B thửa 4285 và 397 (mpt). Ông B được cấp giấy chứng nhận 02 thửa đất 4285 và 4358 (thửa cũ 397 mtp), tờ bản đồ số 03. Thực tế 02 thửa đất này bà C đã cho ông B vào năm 2001 và ông B đã cất nhà sinh sống ổn định đến năm 2019 bà C được cấp giấy mới làm thủ tục tặng cho ông B để hoàn tất về mặt giấy tờ pháp lý. Ông B xác định tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2022 của Ủy ban xã M là hòa giải phần đất có căn nhà mà ông B cất cho bà C ở (theo mảnh trích đo phân khu thì là căn nhà số A) và phần đất trồng cỏ theo mảnh trích đo là khu đất có diện tích 80,8m² mà không phải phần nhà đất thuộc thửa 4285. Nay bà C khởi kiện yêu cầu tuyên bố một phần hợp đồng tặng cho vô hiệu thì ông B không đồng ý. Lý do thửa đất 4285 bà C đã tặng cho ông từ năm 2001 và ông B đang cất nhà sống ổn định và ông B là người làm thủ tục và tự đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp qua đất thổ. Trường hợp Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho QSDĐ đối với thửa đất 4285 thì ông B không yêu cầu giải quyết hậu quả, không yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu; đối với toàn bộ căn nhà và phần mái che ông B xây dựng trên thửa đất 4285 thì ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết ông B sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Đối với khu 3 diện tích 80,8m² theo mảnh trích đo hiện bà C đang quản lý sử dụng thì ông B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Hồng T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B. Bà không có ý kiến hay yêu cầu nào trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Ngày 16/10/2019 Tổ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của UBND xã M có tiếp nhận hồ sơ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa, bên tặng cho QSDĐ bà Nguyễn Thị C, Sinh năm: 1944, CMND SỐ 300429730 do Công an tỉnh L cấp ngày 19/08/2015, cư ngụ tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CP 481961, CP 481962 vào sổ số CH 03942, CH 03941 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 12/4/2019, thửa đất số 4285, 397 (mpt), tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất ấp D - M- T- Long An, sử dụng riêng diện tích 2.347 m², mục đích sử dụng ONT, LUC, thời hạn sử dụng lâu dài, ngày 15/10/2063, nguồn gốc sử dụng: công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất, Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Bên nhận tặng cho QSDĐ: ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1976, CMND số 300967367 do Công an tỉnh L cấp ngày 14/06/2006, cư ngụ tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi tiếp nhận hồ sơ Công chức chuyên môn Địa chính xã kiểm tra tình trạng đất tặng cho: không có tranh chấp, không nằm trong diện quy hoạch giải tỏa, đất đủ điều kiện tặng cho và Công chức Tư pháp - hộ tịch kiểm tra tính pháp lý của văn bản đảm bảo và các bên tham gia hợp đồng tặng cho tại thời điểm chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã cùng ký/điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho trước mặt ông Nguyễn Trúc T2 là Chủ tịch UBND xã M. Hợp đồng giao dịch được thực hiện tại UBND xã M, số chứng thực 113, quyền số 01/2013-SCT/HĐ,GD, ngày chứng thực 16/10/2019. Việc chứng thực hợp đồng, giao dịch hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND xã M thực hiện đúng theo trình tự thủ tục và đảm bảo tính pháp lý của văn bản cũng như tình trạng tự nguyện giữa các bên tham gia giao dịch theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nay UBND xã M xin trả lời cho Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa biết. Đồng thời xin vắng tham dự hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử sơ thẩm tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan em Nguyễn Ngọc Tường V, em Nguyễn Ngọc YẾN N, em Nguyễn Ngọc Bảo T1 trình bày: Các em là con ruột của ông Nguyễn Ngọc B và bà Trịnh Thị Hồng T. Hiện

đang sống cùng cha mẹ trên căn nhà thuộc phần đất thửa số 4285, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Căn nhà cấp 4, do ông B bà T xây dựng từ năm 2001 và cả gia đình sống trên phần đất này từ trước đến nay. Nay có tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Ngọc B1, các em không có đóng góp công sức gì trong tài sản này của cha mẹ nên không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ. Mọi quyết định và ý kiến yêu cầu trong vụ án các em hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông B1 bà T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, ông H xác định bà C không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ thửa 4285 đã cấp cho ông B1. Đồng thời yêu cầu lấy lại thửa đất 4285, đồng ý trả giá trị căn nhà theo chứng thư thẩm định giá cho ông B1. Đại diện cho ông B1 vẫn giữ nguyên ý kiến.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào để xem xét tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Bà Nguyễn Thị C khởi kiện ông Nguyễn Ngọc B về tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Đây là tranh chấp về dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào địa chỉ

bị đơn và địa chỉ thửa đất thuộc ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[1.2]. Ủy ban nhân dân xã M, bà Trịnh Thị Hồng T, em Nguyễn Ngọc Tường V, Em Nguyễn Ngọc Yến N, Em Nguyễn Ngọc Bảo T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà C thấy rằng:*

Về nguồn gốc thửa đất: Ngày 10/9/2018, bà Nguyễn Thị C có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 397 (một phần), tờ bản đồ số 3, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn. Ngày 12/4/2019, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị C thửa đất số 4285, tờ bản đồ số 3, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế.

Tại đơn khởi kiện bà C yêu cầu: Yêu cầu tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 113, quyền số 01-SCT/HĐ,GD được ký kết giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Ngọc B ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T đối với thửa đất số 4285, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An là vô hiệu.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, trên phần đất tranh chấp có công trình kiến trúc và cây trồng như sau:

+ Nhà chính (nhà cấp 4) kết cấu: Móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch tô sơn, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole. Gắn liền với nhà chính còn 01 phần mái che và một phần diện tích nhà của bà C. Toàn bộ vật kiến trúc trên đất thuộc khu 1 theo mảnh trích đo do công ty TNHH Đ lập ngày 28/5/2024 và được Văn phòng Chi nhánh đất đai tại huyện T duyệt ngày 30/5/2024 và Mảnh trích đo bản đồ địa chính phân khu số 01-2024 của công ty TNHH Đ.

+ Cây trồng trên đất gồm: 01 cây Xoài, 01 cây Cóc, 06 cây M, 03 cây T3, 01 cây Lộc Vừng.

Nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H đại diện cho bà C xác định: Năm 2010, bà C cho ông B một phần diện tích 1.500m² thuộc thửa đất 397, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Khi cho đất ông B tiến hành cất nhà tạm kết cấu vách thiếc, cột xi măng, nền đất, mái

tôn fipro xi măng; làm sân, hầm cá, chuồng bò. Sau khi làm nhà ông B xin bà C thêm cho đủ diện tích 2.047m² đồng thời ông B hứa làm cái nền nhà trên phần đất ông B được cho để bà C ở.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2023 thì trên thửa đất 4285 và 4358 tách từ thửa đất 397 hiện có 02 căn nhà cấp 4 trong đó 01 căn nhà do ông B đang sử dụng và 01 căn nhà do bà C đang sử dụng, ngoài 02 căn nhà trên thì không còn căn nhà nào khác là phù hợp với lời trình bày của ông H. Chính lời trình bày của ông H đã cho thấy phần đất có căn nhà hiện nay của ông B đã được bà C cho vào trước thời điểm 02 bên lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (năm 2019) và căn nhà hiện nay bà C đang sử dụng cũng được xây dựng trên phần đất của ông B được cho (thửa 4358). Như vậy thực tế ông B đã được bà C cho đất và quản lý sử dụng từ năm 2001, đồng thời tiến hành xây dựng nhà cấp 4 sinh sống ổn định cho đến nay. Ngoài thửa đất 4285 có căn nhà của ông B đã được bà C cho xây dựng thì không còn phần thửa đất nào khác chứa căn nhà ông B. Việc các bên lập thủ tục tặng cho chỉ là hoàn thành các thủ tục pháp lý để ông B được đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ phần đất mà ông B đã được cho trước đó. Do đó ông H cho rằng lợi dụng bà C biết chữ ít nên thêm vào hợp đồng thửa 4285 là không có cơ sở.

Xét thấy: Tại thời điểm tặng cho các bên đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự; chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Hình thức hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập thành văn bản và chứng thực đúng quy định. Sau khi được tặng cho ông B đã đăng ký và được cơ quan đăng ký đất đai điều chỉnh biến động sang tên ông B. Do vậy, hợp đồng tặng cho bất động sản đã có hiệu lực pháp luật từ thời điểm đăng ký, bà C yêu cầu tuyên bố một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa ông H xác định bà C không yêu cầu HĐXX xem xét hủy giấy chứng nhận QSDĐ thửa 4285 đã cấp cho ông B, không tranh chấp thửa đất 4358 nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] *Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ lệ phí cho việc xem xét thẩm định, đo đạc, định giá tài sản số tiền 30.970.000đồng (đã nộp xong).

[4]. Tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí nhưng được miễn án phí do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 12,

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều: 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều: 117, 119, 457, 459 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Ngọc B về việc yêu cầu tuyên bố một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 113, quyền số 01-SCT/HĐ,GD được ký kết giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Ngọc B ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T đối với thửa đất số 4285, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An vô hiệu.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Bà Nguyễn Thị Cẩm C1 toàn bộ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản số tiền 30.970.000đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án này xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương